

ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ ĐẾN PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

● NGUYỄN MINH QUY

TÓM TẮT:

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu kinh tế nhờ hội nhập toàn cầu và tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA). Là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế và ký kết các điều ước thương mại, Việt Nam đã điều chỉnh pháp luật hợp đồng thương mại để phù hợp với các cam kết quốc tế, giúp thúc đẩy giao thương và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, việc tham gia các điều ước quốc tế cũng dẫn đến nhiều thách thức mà Việt Nam sẽ phải giải quyết. Do vậy, bài nghiên cứu sẽ phân tích tác động của các điều ước quốc tế đến hệ thống pháp luật hợp đồng thương mại Việt Nam.

Từ khóa: pháp luật, điều ước quốc tế, pháp luật hợp đồng thương mại, Việt Nam, hội nhập toàn cầu.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam đã và đang ký kết nhiều điều ước quốc tế quan trọng, đặc biệt là FTA, nhằm thúc đẩy giao thương và hợp tác kinh tế với các quốc gia trên thế giới. Điều này không chỉ mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận thị trường quốc tế, mà còn đặt ra nhiều thách thức về pháp lý, trong đó có sự tương thích giữa pháp luật hợp đồng thương mại trong nước với các cam kết quốc tế Việt Nam đã tham gia.

Điều ước quốc tế là công cụ pháp lý quan trọng, có khả năng định hình và ảnh hưởng đến sự phát triển của pháp luật quốc gia, bao gồm cả lĩnh vực hợp đồng thương mại. Tại Việt Nam, việc tuân thủ và nội luật hóa các cam kết quốc tế đã, đang và sẽ tiếp tục tác động mạnh mẽ đến các quy định về hợp đồng thương mại, từ các nguyên tắc chung cho đến

các điều khoản cụ thể. Những ảnh hưởng này không chỉ nhằm đảm bảo sự phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, mà còn giúp tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật, tạo sự minh bạch và công bằng trong quan hệ thương mại.

Bài viết này sẽ tập trung phân tích tác động của các điều ước quốc tế đến pháp luật hợp đồng thương mại tại Việt Nam, từ đó đưa ra những đánh giá và đề xuất nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

2. Tổng quan về điều ước quốc tế

2.1. Khái niệm về điều ước quốc tế

Các điều ước quốc tế còn được gọi là công ước, nghị định thư, hiệp ước, "đạo luật". Tuy thuật ngữ có thể khác nhau nhưng nội dung thì giống nhau: tất cả đều biểu thị "sự kết hợp ý chí của hai hoặc nhiều chủ thể quốc tế nhằm điều chỉnh lợi ích của họ

bằng các quy tắc quốc tế”¹. Định nghĩa này cho thấy tầm quan trọng của các điều ước trong việc tạo ra các quy tắc quốc tế để điều chỉnh lợi ích của các chủ thể. Trong luật quốc tế hiện đại, tầm quan trọng của điều ước quốc tế trong việc tạo ra các quy tắc quốc tế đã gia tăng đáng kể. Việc xây dựng điều ước được đánh giá là một phương thức quan trọng trong việc tạo ra luật quốc tế. Vì quá trình xây dựng điều ước cho phép có thảo luận và cân nhắc có ý thức về các vấn đề cần giải quyết, nên các quy định của điều ước được cho là cung cấp “những luật rõ ràng nhất” về các vấn đề đã đề cập. Do đó, việc xây dựng luật quốc tế thông qua quá trình lập điều ước được coi là phương thức mong muốn nhất để tạo ra luật quốc tế².

Các quốc gia có toàn quyền tự do về cách thức và hình thức thỏa thuận, vì không có quy định nào đặt ra bất kỳ thủ tục hoặc hình thức cụ thể nào. Tuy nhiên, qua nhiều năm, hai loại chính của điều ước (song phương và đa phương) đã phát triển trong thực tiễn quốc gia. Loại điều ước thứ nhất được ký kết dưới hình thức trang trọng và loại thứ hai được ký kết dưới hình thức đơn giản hóa³. Trong hình thức trang trọng, các đại diện toàn quyền (tức là các nhà ngoại giao được trao toàn quyền đàm phán) của các quốc gia ký kết tiến hành đàm phán điều ước. Sau khi một văn bản được đồng ý và thông qua, nó được ký kết (hoặc được khởi thảo và sau đó ký) bởi các nhà ngoại giao và sau đó được trình lên cơ quan có thẩm quyền quốc gia để phê chuẩn. Thông thường, hiến pháp hiện đại yêu cầu sự can thiệp của cơ quan lập pháp trước khi người đứng đầu nhà nước ký văn kiện phê chuẩn. Tuy nhiên, việc phê chuẩn không có nghĩa là sự tán thành hoặc xác nhận sau đó về việc quốc gia có ý định bị ràng buộc bởi điều ước. Thực tế, chính việc phê chuẩn là cách mà quốc gia thể hiện ý định bị ràng buộc về mặt pháp lý bởi điều ước. Cho đến khi văn kiện phê chuẩn được soạn thảo, ký và trao đổi với các bên khác, hoặc được lưu trữ bởi một trong các bên hoặc một tổ chức quốc tế, quốc gia đó chưa bị ràng buộc bởi điều ước.

2.2. Danh nghĩa ký kết điều ước quốc tế

Danh nghĩa ký kết điều ước quốc tế đề cập đến tư cách pháp lý của chủ thể tham gia ký kết điều

ước quốc tế và quyền hạn của họ trong việc cam kết thực hiện các nghĩa vụ trong điều ước đó. Thông thường, có hai loại danh nghĩa chính trong việc ký kết điều ước quốc tế:

- *Danh nghĩa quốc gia*: điều này xảy ra khi các đại diện của nhà nước (thường là nguyên thủ quốc gia, người đứng đầu chính phủ, bộ trưởng ngoại giao) ký kết điều ước quốc tế nhân danh quốc gia. Các điều ước quốc tế được ký kết dưới danh nghĩa này có giá trị pháp lý ràng buộc đối với quốc gia và phải tuân thủ theo quy định nội bộ của quốc gia về phê chuẩn hoặc gia nhập

- *Danh nghĩa tổ chức quốc tế*: một số tổ chức quốc tế, như Liên Hợp quốc, Liên minh châu Âu (EU), hoặc Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), có thẩm quyền ký kết các điều ước quốc tế dưới danh nghĩa của tổ chức. Các điều ước này sẽ có hiệu lực ràng buộc đối với các quốc gia thành viên của tổ chức đó hoặc đối với chính tổ chức trong phạm vi hoạt động của họ.

Việc xác định đúng danh nghĩa và thẩm quyền ký kết điều ước quốc tế là yếu tố quan trọng để đảm bảo tính hợp pháp và hiệu lực thi hành của điều ước, đồng thời tránh các tranh chấp pháp lý có thể phát sinh.

2.3. Ngôn ngữ và hình thức của điều ước quốc tế

Ngôn ngữ và hình thức của điều ước quốc tế được quy định nhằm đảm bảo tính minh bạch, chính xác và hiệu lực pháp lý của văn bản. Cụ thể:

- *Ngôn ngữ của điều ước quốc tế*: điều ước quốc tế thường được soạn thảo bằng ngôn ngữ của các bên ký kết hoặc một ngôn ngữ chung mà các bên thỏa thuận. Thông thường, ngôn ngữ quốc tế phổ biến như tiếng Anh, tiếng Pháp thường được sử dụng. Một điều ước quốc tế có thể có nhiều phiên bản bằng các ngôn ngữ khác nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt trong nội dung giữa các phiên bản ngôn ngữ, các bên sẽ thỏa thuận chọn ngôn ngữ chính thức có giá trị pháp lý ưu tiên.

- *Hình thức của điều ước quốc tế*: điều ước quốc tế có thể được thể hiện dưới nhiều hình thức văn bản khác nhau, như hiệp ước, công ước, hiệp định, thỏa thuận, nghị định thư, bản ghi nhớ. Các hình thức này có thể khác nhau tùy theo nội dung và mục đích của điều ước. Mỗi điều ước quốc tế phải có

phần mở đầu (lời nói đầu) và các điều khoản cụ thể, quy định quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia. Điều ước quốc tế cũng phải tuân thủ quy định về thời gian và địa điểm ký kết, cơ chế phê chuẩn, sửa đổi hoặc chấm dứt hiệu lực.

Ngôn ngữ và hình thức của điều ước quốc tế đều đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính pháp lý và khả năng thực thi của văn bản, đồng thời phản ánh sự thỏa thuận và thống nhất giữa các bên.

3. Cách thức áp dụng điều ước quốc tế

Áp dụng tạm thời điều ước quốc tế: là một cơ chế cho phép điều ước quốc tế được thực thi tạm thời trước khi hoàn tất các thủ tục pháp lý chính thức để điều ước có hiệu lực đầy đủ. Điều này thường xảy ra khi các bên tham gia đã đạt được thỏa thuận về nội dung điều ước nhưng quá trình phê chuẩn hoặc phê duyệt chính thức tại mỗi quốc gia chưa hoàn thành. Việc áp dụng tạm thời giúp điều ước quốc tế có thể sớm mang lại hiệu quả trong thực tế mà không phải chờ đợi toàn bộ quy trình phê chuẩn hoặc thông qua kéo dài. Tuy nhiên, điều kiện áp dụng tạm thời phải dựa trên sự đồng thuận của các bên tham gia và có thể bị giới hạn trong một thời gian cụ thể hoặc cho đến khi điều ước chính thức có hiệu lực. Trong quá trình áp dụng tạm thời, các bên có nghĩa vụ tuân thủ các điều khoản của điều ước như thể điều ước đã có hiệu lực, nhưng họ vẫn có quyền chấm dứt việc áp dụng tạm thời bằng cách thông báo cho các bên liên quan.

- *Áp dụng trực tiếp*: điều ước quốc tế có thể được áp dụng ngay lập tức tại quốc gia thành viên mà không cần phải thông qua thêm bất kỳ văn bản pháp luật nào. Điều này thường xảy ra khi quy định của điều ước quốc tế đủ cụ thể và rõ ràng để có thể thi hành trực tiếp trong hệ thống pháp luật của quốc gia. Quốc gia đó coi các điều khoản của điều ước như một phần của pháp luật nội địa.

- *Áp dụng gián tiếp (nội luật hóa)*: áp dụng gián tiếp các điều ước quốc tế là quá trình mà một quốc gia thực hiện các cam kết quốc tế thông qua việc điều chỉnh hoặc bổ sung các quy định pháp luật nội địa, thay vì áp dụng trực tiếp. Cơ chế này thường bao gồm việc xây dựng và thông qua các văn bản pháp lý mới hoặc sửa đổi các quy định hiện hành để

phản ánh các tiêu chuẩn quốc tế. Lợi ích của áp dụng gián tiếp bao gồm tính linh hoạt trong việc điều chỉnh hệ thống pháp luật, tạo sự đồng bộ và nhất quán trong quy định pháp lý và cải thiện cơ chế thực thi cam kết quốc tế. Tuy nhiên, quá trình này cũng có thể gặp thách thức như việc đòi hỏi sự đồng thuận từ các cơ quan lập pháp, giải quyết các xung đột pháp lý và chuẩn bị kỹ lưỡng. Ví dụ, khi quốc gia ký kết một hiệp định thương mại tự do (FTA), họ cần điều chỉnh các quy định về thuế quan và hải quan trong pháp luật nội địa để đảm bảo tuân thủ cam kết quốc tế.

4. Tác động tích cực và những thách thức khi tham gia các điều ước quốc tế đến pháp luật hợp đồng thương mại tại Việt Nam

4.1. Tác động tích cực

Việc tham gia vào các điều ước quốc tế sẽ cải cách và hiện đại hóa pháp luật hợp đồng thương mại ở Việt Nam, tạo động lực cho sự phát triển bền vững của hệ thống pháp luật nội địa.

Trước hết, các điều ước quốc tế về thương mại thường bao gồm những tiêu chuẩn và quy định rất chi tiết và cụ thể về hợp đồng thương mại. Những quy định này nhằm bảo vệ quyền lợi của các bên trong giao dịch quốc tế, đồng thời xác lập những quy tắc chung về điều khoản hợp đồng, chẳng hạn như trách nhiệm pháp lý của các bên, quyền lợi về chất lượng hàng hóa, thanh toán, cũng như việc thực hiện hợp đồng. Khi Việt Nam tham gia các điều ước quốc tế, hệ thống pháp luật hợp đồng thương mại trong nước phải được điều chỉnh để phù hợp với các quy tắc quốc tế, qua đó đảm bảo sự tương thích trong các giao dịch với các đối tác quốc tế.

Quá trình áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế này đã dẫn đến việc cải cách toàn diện trong hệ thống pháp luật thương mại của Việt Nam. Một trong những thay đổi quan trọng là việc nâng cao tính minh bạch và công bằng trong các quy định pháp luật. Điều này giúp tạo ra một môi trường pháp lý rõ ràng hơn, nơi mà các doanh nghiệp và cá nhân có thể hiểu, dự đoán trước được các rủi ro pháp lý, từ đó góp phần hạn chế tranh chấp. Các quy định quốc tế thường yêu cầu sự minh bạch trong các điều khoản hợp đồng và quy trình giải quyết tranh chấp,

điều này buộc pháp luật nội địa phải nâng cao chất lượng và sự rõ ràng của các quy định.

Một điểm đáng chú ý là sự tăng cường các quy định về giải quyết tranh chấp thương mại. Nhiều điều ước quốc tế, chẳng hạn như Công ước Liên Hợp Quốc về Hợp đồng Mua bán Hàng hóa Quốc tế (CISG), đưa ra các phương thức giải quyết tranh chấp như trọng tài quốc tế hoặc tòa án quốc tế, đảm bảo quyền lợi cho các bên trong trường hợp có xung đột. Điều này buộc Việt Nam phải cải thiện các cơ chế giải quyết tranh chấp trong nước để đồng bộ với các tiêu chuẩn quốc tế, tăng tính công bằng và minh bạch trong quy trình xét xử.

Việc cập nhật các quy định pháp lý dựa trên các cam kết quốc tế cũng góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam. Khi pháp luật nội địa phù hợp với thông lệ quốc tế, các doanh nghiệp sẽ dễ dàng hơn trong việc tham gia thị trường toàn cầu, hiểu rõ các quy tắc thương mại quốc tế và biết cách bảo vệ quyền lợi của mình trong giao dịch thương mại quốc tế. Điều này đồng thời giúp thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, khi họ nhận thấy hệ thống pháp luật đã được cải thiện và minh bạch hơn.

4.2. Những thách thức khi áp dụng điều ước quốc tế tại Việt Nam

Một là, sự phức tạp trong việc đồng bộ hóa pháp luật: Việt Nam tham gia nhiều FTA song phương và đa phương, mỗi hiệp định có những quy định, tiêu chuẩn riêng biệt. Việc đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các hiệp định này và pháp luật hợp đồng thương mại trong nước là một thách thức lớn. Vì vậy, khả năng xung đột pháp lý từ các cam kết trong FTA có thể mâu thuẫn hoặc không tương thích với các quy định nội địa hiện hành, điều này đòi hỏi việc điều chỉnh hoặc sửa đổi pháp luật hợp đồng thương mại để phù hợp với nhiều tiêu chuẩn khác nhau, có thể gây ra sự phức tạp và khó khăn cho các doanh nghiệp khi thực hiện.

Hai là, mất chủ quyền pháp lý: việc tham gia vào các điều ước quốc tế đôi khi khiến Việt Nam phải chấp nhận các quy tắc hoặc tiêu chuẩn do quốc tế quy định, mà có thể không hoàn toàn phù hợp với tình hình và lợi ích quốc gia. Điều này có thể dẫn đến sự suy giảm chủ quyền trong việc xây dựng và

thực hiện các chính sách pháp lý nội địa, vì phải tuân theo những ràng buộc quốc tế.

Ba là, thiếu kinh nghiệm thực tiễn và năng lực thực thi: năng lực hiểu và áp dụng quy định quốc tế: Các doanh nghiệp và thậm chí các cơ quan thực thi pháp luật ở Việt Nam có thể chưa đủ năng lực và kinh nghiệm để hiểu và áp dụng một cách chính xác và hiệu quả các quy định quốc tế trong các FTA. Điều này dẫn đến sự lúng túng trong việc thực hiện các hợp đồng thương mại quốc tế. Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, vì vậy khả năng áp dụng các tiêu chuẩn cao về pháp lý trong các FTA hiện đại (như CPTPP hay EVFTA) có thể gặp khó khăn do thiếu nguồn lực và kỹ năng chuyên môn, đặc biệt là trong lĩnh vực trọng tài, sở hữu trí tuệ, và bảo vệ lợi ích doanh nghiệp.

Sự khác biệt về văn hóa pháp lý: pháp luật Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn từ truyền thống luật dân sự (civil law), trong khi nhiều điều ước quốc tế lại dựa trên các nguyên tắc của hệ thống luật chung (common law). Sự khác biệt về quan điểm pháp lý và phương pháp điều chỉnh hợp đồng có thể tạo ra những khó khăn trong việc tiếp cận và áp dụng các điều ước quốc tế tại Việt Nam.

Bốn là, khả năng thích ứng của doanh nghiệp: các doanh nghiệp lớn có thể có đủ nguồn lực để hiểu và tuân thủ các quy định từ FTA, trong khi các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) gặp nhiều khó khăn hơn trong điều chỉnh hoạt động và ký kết hợp đồng theo yêu cầu của các FTA. Điều này gây ra sự bất bình đẳng trong thị trường. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa có sự hiểu biết đầy đủ về các lợi ích và thách thức mà FTA mang lại, dẫn đến việc ký kết hợp đồng có thể không được bảo vệ đầy đủ hoặc bị rủi ro về mặt pháp lý. Do đó đòi hỏi sự hỗ trợ từ phía nhà nước trong việc cung cấp thông tin, tư vấn và hướng dẫn áp dụng các điều ước quốc tế, điều mà hiện nay chưa được thực hiện đầy đủ.

Năm là, áp lực cải cách pháp luật nội địa: các FTA đòi hỏi Việt Nam liên tục cải cách, điều chỉnh pháp luật hợp đồng thương mại để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Điều này đòi hỏi nguồn lực lớn từ phía chính phủ và có thể dẫn đến sự thay đổi pháp luật liên tục, gây ra sự khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thích nghi và tuân

thủ. Việt Nam cần phải đầu tư vào việc đào tạo, nâng cao kiến thức cho các luật sư, thẩm phán và các cơ quan thực thi pháp luật để hiểu rõ và áp dụng hiệu quả các điều ước quốc tế. Điều này có thể là một gánh nặng đối với nguồn lực quốc gia trong ngắn hạn.

5. Một số đề xuất nhằm thúc đẩy hiệu quả áp dụng điều ước quốc tế cho Việt Nam

Để điều chỉnh các vấn đề tiêu cực khi áp dụng các điều ước quốc tế vào hệ thống pháp luật Việt Nam, cần thực hiện một số biện pháp quan trọng. Trước tiên, việc rà soát và điều chỉnh pháp luật nội địa là cần thiết để giải quyết sự xung đột giữa các quy định quốc tế và pháp luật hiện hành, đồng thời cải cách pháp lý nhằm đảm bảo sự hài hòa. Bên cạnh đó, cần tăng cường năng lực thực thi bằng cách đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ quan chức năng và cải thiện cơ chế thực thi, để bảo đảm việc áp dụng các quy định quốc tế hiệu quả.

Việc bảo đảm chủ quyền pháp lý cũng là yếu tố quan trọng, đòi hỏi sự thảo luận và đồng thuận giữa các bên liên quan để các cam kết quốc tế không làm suy giảm lợi ích quốc gia. Để quản lý áp lực về thời gian và nguồn lực, cần lập kế hoạch chi tiết và phân bổ ngân sách hợp lý, đồng thời tận dụng sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế. Tăng cường nhận thức và sự đồng thuận thông qua các chiến dịch tuyên truyền và khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan cũng đóng vai trò quan trọng trong việc áp dụng các điều ước quốc tế.

Đồng thời phải tăng cường năng lực thực thi pháp luật, hệ thống thực thi pháp luật, bao gồm tòa án, trọng tài, và các cơ quan liên quan, cần được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng. Tuy nhiên đòi hỏi phải tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về pháp luật quốc tế, đặc biệt là các điều ước như CISG, cho các thẩm phán, trọng tài viên và luật sư.

Các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, cần được hỗ trợ trong việc hiểu và áp dụng các quy định của điều ước quốc tế vào hoạt động thương mại. Chính phủ và các hiệp hội doanh nghiệp nên cung cấp các chương trình tư vấn, đào tạo và hỗ trợ pháp lý để giúp doanh nghiệp nâng cao hiểu biết về các cam kết quốc tế và tận dụng chúng để bảo vệ quyền lợi. Đồng thời, phát triển nguồn nhân lực chuyên môn với một thể hệ luật sư, chuyên gia pháp lý với kiến thức sâu rộng về luật thương mại quốc tế và điều ước quốc tế là điều cần thiết. Các trường đại học và cơ sở đào tạo luật cần đưa thêm các khóa học và chương trình chuyên ngành về pháp luật quốc tế vào chương trình giảng dạy để tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao.

Cuối cùng, việc tăng cường cơ chế giám sát và đánh giá là cần thiết để theo dõi hiệu quả thực thi các quy định quốc tế và điều chỉnh kịp thời. Những biện pháp này sẽ giúp Việt Nam tích hợp các cam kết quốc tế vào hệ thống pháp luật một cách hiệu quả, đồng thời bảo vệ chủ quyền pháp lý và lợi ích quốc gia ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Cassese Antonio (2001). International Law. UK: Oxford University Press.

²Đặng Cẩm Tú (2021). “Trật tự quốc tế dựa trên luật lệ” và vai trò của các nước vừa và nhỏ. Truy cập tại <https://tapchiconsan.org.vn/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/824123/%E2%80%9Ctratat-tu-quoc-te-dua-tren-luat-le%E2%80%9D-va-vai-tro-cua-cac-nuoc-vua-va-nho.aspx>

³Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (2015). Các quy tắc về lựa chọn pháp luật áp dụng trong hợp đồng thương mại quốc tế. Truy cập tại <https://moj.gov.vn/ttptintuc/Pages/tin-tuc-su-kien.aspx?ItemID=73>

⁴Cassese Antonio (2001). International Law. UK: Oxford University Press, pp. 127.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Liên Hợp quốc (1980). Công ước Viên 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG). Truy cập tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Cong-uoc-vien-Lien-Hop-quoc-mua-ban-hang-hoa-quoc-te-11-04-1980-90153.aspx>
2. Nguyễn Vũ Hoàng (2022). Tác động của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới tới chuyển đổi số ở Việt Nam và một số hàm ý chính sách. Truy cập tại <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/825522/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-toi-chuyen-doi-so-o-viet-nam-va-mot-so-ham-y-chinh-sach.aspx>
3. Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới tới pháp luật thương mại Việt Nam (2019). Truy cập tại <https://tapchitaichinh.vn/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-toi-phap-luat-thuong-mai-viet-nam.html>

Ngày nhận bài: 4/8/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/8/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 6/9/2024

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN MINH QUY

Trường Đại học Ngoại thương

Email: nguyenminhquy288@gmail.com

IMPACT OF INTERNATIONAL TREATIES ON VIETNAMESE COMMERCIAL CONTRACT LAW

● Master. **NGUYEN MINH QUY**
Foreign Trade University

ABSTRACT:

Vietnam's economic growth in recent years has been significantly influenced by its increased integration into the global economy through participation in numerous free trade agreements and international organizations. To align with these commitments, the country has undertaken significant reforms to its commercial contract law. While these reforms have promoted trade and enhanced competitiveness, they have also introduced new challenges. This study examined the influence of international treaties on Vietnam's commercial contract law system, analyzing both the benefits and potential drawbacks.

Keywords: law, international treaties, commercial contract law, Vietnam, global integration.